

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 69/2022/DS - PT

Ngày: 22/9/2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLPT - DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS - ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/QĐPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sầm Thị L, sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú: Xóm TT 1, xã TD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 299, tổ dân phố TrT, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố TTh 1, phường ĐB, TP TN, tỉnh Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 3 năm 2016 (bà Y có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Xóm TT 1, xã TD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc T - Văn phòng Luật sư Thụy Hoàng - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ trụ sở: Xóm HT, thị trấn CC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Q-Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Kim T1 - Phó Chi cục trưởng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ dân phố TTh 1, phường ĐB, TP TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.3. Bà Sầm Thị M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm TT 1, xã TD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (bà M là vợ ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Sầm Thị L trình bày: Năm 2003 bà được biết Đội thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên tổ chức bán đấu giá tài sản là 01 căn nhà cũ 3 gian, cột gỗ, vách đất, lợp lá cọ; 01 thửa đất thổ cư có diện tích 269m² tại xóm 1, xã TD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, bà đã đăng ký và làm thủ tục mua tài sản bán đấu giá trên. Sau khi trúng đấu giá, ngày 15/4/2003 bà được Đội thi hành án bàn giao tài sản bao gồm 01 căn nhà vách đất lợp lá 03 gian; 01 thửa đất diện tích 269,0m², thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 37-Bản đồ 299 xã TD có các phía tiếp giáp: Phía Bắc giáp tuyến đường chính, cạnh đường liên xã, phía Tây giáp nhà anh Tây Hòa, phía Đông giáp đất và nhà bếp của ông Hoàng Văn H (hiện nay ông H đã xây nhà ở), phía Nam giáp nhà anh Thông, ngoài ra không nhận tài sản nào khác. Sau khi nhận bàn giao tài sản từ Đội thi hành án bà đã tiến hành xây tường bao thửa đất nêu trên. Năm 2009 bà cho em cô là Nguyễn Thị Y, ở xóm 1, xã TD, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên trồng cây ăn quả, rau màu. Quá trình sử dụng không có tranh chấp xảy ra.

Ngày 30 tháng 10 năm 2015, bà được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 848933 mang tên Sầm Thị L. Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24 - Bản đồ địa chính xã TD.

Ngày 17/01/2016, ông Hoàng Văn H đã sang thửa đất trên phá hoại hoa màu như chuối, cà chua, cà pháo, ổi của gia đình bà Nguyễn Thị Y trồng và chiếm giữ thửa đất nêu trên của bà. Sau khi ông H chặt phá cây cối, hoa màu và chiếm giữ đất bà có đơn đề nghị chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Ngày 26/01/2016, UBND xã TD đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, ông H không nhất trí trả lại đất cho bà quản lý, sử dụng. Vì vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả lại cho bà thửa đất nêu trên để bà quản lý, sử dụng.

Bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày: Năm 1997, ông bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 02 năm tù và hình phạt bổ sung là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Năm 2000, Đội thi hành án dân sự (nay là Chi cục Thi hành án dân sự) huyện ĐH, tiến hành kê biên cưỡng chế tài sản là nhà và đất thổ cư của ông. Sau khi cưỡng chế, kê biên tài sản, ngày 27/3/2003 ông bị bắt tạm giam sau đó bị xét xử và đi chấp hành án đến

tháng 10 năm 2015, ra trại về địa phương ông mới biết nhà ở và đất đã bị Cơ quan thi hành án bán đấu giá.

Nay ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị L, trong quá trình giải quyết, ông đã có đơn yêu cầu phản tố, nay ông giữ nguyên yêu cầu phản tố, tuy nhiên đơn yêu cầu phản tố ngày 26/10/2016 yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá thì nay ông yêu cầu: Tòa án hủy giao dịch mua bán đấu giá tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH với bà Sầm Thị L, vì toàn bộ nhà đất là tài sản chung của vợ chồng ông, đất được Nhà nước cấp cho hộ gia đình sử dụng, Cơ quan Thi hành án đã tự ý kê biên toàn bộ để bán năm 2003 không thông báo cho vợ chồng ông được biết, vi phạm trình tự, thủ tục bán đấu giá và thi hành án nên kết quả bán đấu giá mà bà L mua được tài sản trúng đấu giá là hoàn toàn trái pháp luật. Buộc bà Sầm Thị L có trách nhiệm phải trả lại nhà, đất cho gia đình ông hoặc buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH phải có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản là nhà, đất đã bán trái pháp luật theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà là em cô của bà Sầm Thị L, vì bà L ở xa và không có điều kiện canh tác nên bà L cho bà sử dụng để trồng cây ăn quả và trồng rau màu, bà đã trồng hoa màu như chuối, cà chua, cà pháo, ổi, bà thu hoạch và sử dụng ổn định từ đó đến đầu năm 2016 thì ông Hoàng Văn H ở cùng xóm sang phá hoại một số cây ăn quả, hoa màu và chiếm giữ diện tích đất trên, bà và bà L đã làm đơn yêu cầu UBND xã TD giải quyết, nhưng ông H vẫn chiếm giữ, không trả đất. Về phần tài sản ông H đã chặt phá, nay bà tự nguyện không yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại.

- Bà Sầm Thị M trình bày: Bà là vợ ông H bà nhất trí yêu cầu trong đơn phản tố của ông H và của bà theo đơn yêu cầu phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 26/10/2016. Bà cho biết, năm 1993, gia đình bà được UBND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.591m² mang tên Hoàng Văn H. Trong đó có 416m² đất thổ cư, thửa số 99, tờ bản đồ số 37-Bản đồ 299 xã TD. Năm 2003, cơ quan Thi hành án huyện ĐH đã tự ý kê biên cưỡng chế tài sản là nhà trên diện tích 269m² đất thổ cư tại thửa đất nêu trên mà không thông báo cho bà biết. Nay bà đề nghị Tòa án hủy giao dịch bán đấu giá của cơ quan Thi hành án do vi phạm pháp luật và buộc bà Sầm Thị L phải trả lại cho gia đình bà diện tích đất trên.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH trình bày: Căn cứ bản án hình sự sơ thẩm số 18/1997/HSST ngày 27/12/1997 của TAND huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, đội trưởng Đội Thi hành án huyện ĐH ra quyết định thi hành án số 33/THA ngày 23/4/1998, đồng thời gửi cho người phải thi hành án là ông Hoàng Văn H giấy báo tự nguyện thi hành án, các khoản phải thi hành là 20.050.000

đồng (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi có giấy báo tự nguyện thi hành án ông H không tự nguyện thi hành án. Căn cứ biên bản xác minh ngày 25/5/2000 về điều kiện thi hành án, ngày 07/7/2000, Đội Thi hành án huyện ĐH đã ra Quyết định cưỡng chế thi hành án số 11/THA, ngày 13/7/2000 tiến hành cưỡng chế thi hành án, tài sản kê biên gồm: 01 căn nhà ba gian cột gỗ, mái lợp lá cọ, vách trát đất; 01 chiếc tủ lệch hai buồng, 01 chiếc tivi đen trắng 14 inch nhãn hiệu Samsung và 269m² đất thổ cư. Do tài sản bán đấu giá lần một không có người tham gia, ngày 12/3/2003 Đội thi hành án huyện ĐH tổ chức đấu giá lần hai, tài sản kê biên đấu giá khởi điểm gồm: 01 căn nhà cũ 3 gian, cột gỗ, vách đất, mái lợp lá cọ giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng); 269m² đất thổ cư giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), ông H có mặt không có ý kiến gì, nhất trí ký biên bản (biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ thi hành án, 01 bản giao ông H). Ngày 16/3/2003 Đội thi hành án ra thông báo số 98/ TB-THA thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản để thi hành án. Ngày 08/4/2003, Đội thi hành án huyện ĐH phối hợp với các cơ quan hữu quan, chính quyền địa phương xã TD tổ chức bán đấu giá tài sản, bà Sầm Thị L là người trúng đấu giá tài sản. Ngày 15/4/2003 Đội thi hành án huyện ĐH tiến hành bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá.

Nay ông H yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản và đòi lại tài sản là không có căn cứ, bởi vì: Từ khi kê biên đến khi bán đấu giá thành kéo dài hơn 02 năm mặc dù ông H và người thân trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến khiếu nại, tố cáo gì đối với việc kê biên, bán đấu giá tài sản. Bà Sầm Thị L là người trúng đấu giá tài sản đã được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 14/2021/DS - ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Các Điều 35, 39; 147; 157; 165; 264; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2; 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 9; 10; 15; 105 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 5; 99; 100; 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị L.

1. Buộc ông Hoàng Văn H, bà Sầm Thị M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình, tài sản có trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24 - bản đồ địa chính xã TD ra khỏi thửa đất gồm: 01 sân bê tông có chiều dài 6,5m, chiều rộng 7,2m; 01 bể chứa nước thải xây bằng gạch xi măng dài 2,5m, rộng 1,2m, sâu 01m; 01 bức tường xây qua các điểm ABCDA theo bản vẽ đo đạc hiện trạng của Công ty

Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Tài chính nhà đất HF đo vẽ ngày 17/6/2021 có móng tường xây bằng gạch xi măng, tường dài A - B = 5,83 m; C - D = 5,8 m; C - B = 26 cm; D - A = 05 cm; cao 0,5m, mái lợp tôn lạnh; Hàng rào lưới sắt B40 dài 13,5m, cao 1,2m. Thu hoạch toàn bộ khoai sọ trên diện tích 104,1m² và rau màu trên diện tích 29,2m²; di dời, chuyển toàn bộ cây chuối ra khỏi thửa đất để trả lại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính xã TD cho bà Sầm Thị L sử dụng (có sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 17/6/2021 kèm theo bản án).

2. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng Văn H: Hủy giao dịch bán đấu giá tài sản giữa Đội thi hành án dân sự huyện ĐH (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH) với bà Sầm Thị L. Buộc bà Sầm Thị L phải trả lại nhà, đất cho gia đình ông. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH phải bồi thường thiệt hại về tài sản gồm nhà đất đã bán đấu giá theo giá thị trường hiện tại.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Văn H phải thanh toán cho bà Sầm Thị L số tiền 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận, số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0017650 ngày 27/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên được chuyển sang tiền án phí. Hoàn trả bà Sầm Thị L 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017728 ngày 22/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2021 ông H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H đã nêu cụ thể những vấn đề kháng cáo như sau: Đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu độc lập của bị đơn, không đưa đủ người tham gia tố tụng, việc kê biên tài sản của Đội thi hành án (nay là Chi cục Thi hành án) là sai vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông H, nếu Thi hành án chấp nhận bồi thường thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị L thấy rằng: Thừa đất số 130, tờ bản đồ số 24, Bản đồ địa chính xã TD có diện tích 280,1m² mà UBND huyện ĐH đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2015 cho bà L là do bà L trúng đấu giá của Đội thi hành án dân sự (nay là Chi cục thi hành án dân sự) huyện ĐH và đã được UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là hợp pháp, nên cần được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên khi cấp quyền sử dụng đất cho bà L thì cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã không cấp đúng 269m² đất mà bà L đã trúng đấu giá lại cấp 280,1m². Như vậy là cấp vượt 11,1m², nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn công nhận quyền sử dụng đất cho bà L 280,1m² là không đúng. Tại cấp phúc thẩm các bên đương sự yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định và đo đạc lại. Tại kết quả thẩm định và đo đạc lại ngày 19/7/2022 thể hiện 269m² sau khi nhà nước lấy 28,9m² đất để mở rộng đường Hồ Chí Minh thì diện tích của bà L còn lại 240,1m² và thực tế bà L sử dụng là 239,5m² thiếu 0,6m² là do hộ ông H liền kề có lấn sang thửa số 130 của bà, tuy nhiên tại phiên tòa người được bà L ủy quyền nhất trí theo diện tích hiện trạng, do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này của bà L. Đề nghị UBND huyện ĐH chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L theo đúng diện tích thực tế đang sử dụng. Do vậy buộc ông H không được cản trở việc sử dụng đất của bà L đã được pháp luật bảo vệ.

[2] Về tài sản trên đất theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2022 thì chỉ có một số cây rau, cây ngô đang có trên thửa đất 130, tuy nhiên các đương sự ông H, bà M cũng như bà Y đều cho biết không có giá trị nên không định giá và cùng nhau công nhận thửa đất 130 này là đất trống. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn H thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24, Bản đồ địa chính xã TD có diện tích 280,1m² mà UBND huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/10/2015 cho bà L là của ông H được tách từ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 416m² đất ở đã được UBND huyện ĐH cấp quyền sử dụng đất năm 1993 mang tên ông Hoàng Văn H. Do ông H vi phạm pháp luật bị xử phạt ở một vụ án hình sự, và số tiền phải chịu phạt theo bản án là 20.050.000 đồng, (hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng ông H không tự nguyện thi hành án nên cơ quan Thi hành án đã quyết định cưỡng chế kê biên tài sản là nhà và đất 269m² ở trong diện tích 416m² đất ở của thửa 99 đứng tên ông H. Lúc này thửa đất số 99 được tách thành hai thửa là thửa số 130 của bà L sau này trúng đấu giá, thửa còn lại là thửa số 131 của ông H. Quá trình kê biên bán đấu giá tài sản của mình thì ông H cho rằng cơ quan Thi hành án đã không làm đúng các trình tự thủ tục nên việc tiến hành bán đấu giá tài sản của ông là sai. Ngày 27/7/2016 ông H có đơn phản tố (BL 71). Ngày 26/7/2016 bà M(vợ ông H) có đơn phản tố (BL 72).

Ngày 26/10/2016 ông H có đơn sửa đổi bổ sung đơn phản tố (BL 73). Ngày 27/10/2016 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn phản tố của ông H.

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 26/4/2016 đến ngày 11/7/2016, tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông H không có đơn phản tố. Căn cứ vào khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy đơn phản tố của ông H được làm sau thời điểm Tòa án đã mở phiên hòa giải, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận và thụ lý đơn phản tố của ông H là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, trả lại ông H tiền tạm ứng án phí phản tố, dành quyền khởi kiện cho ông H bằng vụ kiện khác nếu có căn cứ. Về yêu cầu phản tố của bà M vợ ông H nộp ngày 26/7/2016, cũng là nộp sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên phiên họp này bà M chưa được tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bà M không biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đơn yêu cầu phản tố của bà M nên cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để xem xét, dành quyền khởi kiện cho bà M bằng vụ kiện khác nếu có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H, buộc cơ quan Thi hành án dân sự huyện ĐH phải bồi thường cho ông H vì cơ quan Thi hành án bán đấu giá tài sản của vợ chồng ông H không đúng quy định của pháp luật là chưa có đủ căn cứ. Dành quyền khởi kiện cho ông H, bà M bằng vụ kiện khác như đã phân tích nêu trên.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất của bà L theo kết quả trúng đấu giá với diện tích 269m² là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2; Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 9, 10, 15, 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 5, 99, 100 và Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị L.

1. Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24, Bản đồ địa chính xã TD có diện tích đất 269m² theo các cạnh 10, 11, 13, 12, 10 là của bà L, do bà L là người trúng đấu giá tài sản. Phần diện tích nhà nước thu hồi làm đường 28,9m² theo các cạnh 1, 2, 5, 13, 12, 1 thì bà L có quyền đến cơ quan thu hồi đất lấy số tiền theo quy định của pháp luật (có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hà Nguyên Châu tháng 7/2022 kèm theo bản án).

2. Yêu cầu UBND huyện ĐH chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 24, Bản đồ địa chính xã TD theo đúng quy định của pháp luật.

3. Dành quyền khởi kiện cho ông H, bà M bằng vụ kiện khác nếu có căn cứ.

4. Về chi phí tố tụng: Do bà L được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên chi phí tố tụng chia đều cho hai bên. Buộc ông Hoàng Văn H phải thanh toán cho bà Sầm Thị L $\frac{1}{2}$ số tiền 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) bằng 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) do bà L đã tạm ứng trước. Bà L được sở hữu số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) do ông H trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí sơ thẩm:

- Trả lại bà Sầm Thị L 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0017728 ngày 22/4/2016.

- Ông Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông H 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0017650 ngày 27/10/ 2016.

5.2. Về án phí phúc thẩm:

Ông Hoàng Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0004437 ngày 20/10/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH ;
- Chi cục THADS huyện ĐH ;
- UBND huyện ĐH ;
- UBND xã TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý – Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Văn Quế

